

PHỤ LỤC A
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ Ụ NỔI



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ Ụ NỔI

Số:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN:

Tên/ Ký hiệu thiết kế: /

Loại thiết kế:

Vật liệu thân ụ:

Chiều dài (L): (m); Sức nâng (Q):(t)

Chiều rộng (B): (m); Mạn khô đến boong nóc:(m)

Chiều cao (D): (m); Mạn khô đến boong công tông:(m)

Tổng dung tích (GT):

Ký hiệu cấp:

Nơi sử dụng:

Số thẩm định:

Công văn thẩm định số: Ngày:

Cơ sở thiết kế:

Chủ sử dụng thiết kế:

Nơi đóng:

Đơn vị giám sát:

Những lưu ý:

Cấp tại: Ngày:

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

NƠI NHẬN:

- Đơn vị thiết kế	01
- Đơn vị giám sát	01
- Lưu Cục ĐKVN	01
- Lưu nơi duyệt	01



PHỤ LỤC B
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN PHÂN CẤP Ụ NỔI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

GIẤY CHỨNG NHẬN PHÂN CẤP Ụ NỔI
CLASSIFICATION CERTIFICATE FOR FLOATING DOCK

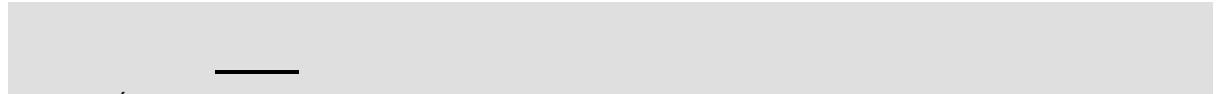
Số:
 No.

Cấp theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia -Phân cấp và đóng mới ụ nổi của Việt Nam
 Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Classification and Construction of Floating dock of
 VIETNAM

Tên ụ nổi:	Số phân cấp:
Name of Floating Dock	Class Number
Kiểu ụ:	Chiều dài: (m)
Type of Floating Dock	Length
Tổng dung tích:	Chiều rộng: (m)
Gross Tonnage	Breadth
Sức nâng của ụ: (tấn)	Chiều cao: (m)
Lifting Capacity: (tonnes)	Depth
Mạn khô đến boong nóc: (m)	Mạn khô đến boong phòng tông: (m)
Freeboard to Top Deck	Freeboard to Pontoon Deck
Vật liệu vỏ ụ:	
Material of Hull	
Năm và nơi đóng:	
Year and Place of Build	
Chủ ụ:	
Owner	

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, chứng nhận rằng ụ nổi này và các trang thiết bị của ụ thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia - Phân cấp và đóng mới ụ nổi, do đó ụ được nhận cấp/ phục hồi cấp (*) với ký hiệu dưới đây:

This is to certify that as a result of the survey performed the Floating Dock, its equipment and arrangements are found to be in compliance with the requirements of National Technical Regulation on Classification and Construction of Floating dock, based on which class with the following notation is assigned/renewed(*) to the Floating Dock:



Các hạn chế thường xuyên:
 Permanent restrictions
 Các đặc tính khác:
 Other characteristics

Giấy chứng nhận có hiệu lực đến ngày với điều kiện phải có xác nhận trung gian phù hợp với Quy chuẩn
 This Certificate is valid until Subject to intermediate confirmation in accordance with the Regulation

Cấp tại Ngày
 Issued at Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

(*) Gạch bỏ khi không thích hợp
 Delete as appropriate

XÁC NHẬN CẤP Ụ NỔI TRUNG GIAN LẦN THỨ NHẤT
FIRST INTERMEDIATE CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp ụ nổi được xác nhận.

On the basis of the survey performed, the class is confirmed

Nơi kiểm tra:

Place

Ngày:

Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

XÁC NHẬN CẤP Ụ NỔI TRUNG GIAN LẦN THỨ HAI
SECOND INTERMEDIATE CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp ụ nổi được xác nhận.

On the basis of the survey performed, the class is confirmed

Nơi kiểm tra:

Place

Ngày:

Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

XÁC NHẬN CẤP Ụ NỔI TRUNG GIAN LẦN THỨ BA
THIRD INTERMEDIATE CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp ụ nổi được xác nhận.

On the basis of the survey performed, the class is confirmed

Nơi kiểm tra:

Place

Ngày:

Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

XÁC NHẬN CẤP Ụ NỔI TRUNG GIAN LẦN THỨ TƯ
FOURTH INTERMEDIATE CONFIRMATION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, cấp ụ nổi được xác nhận.

On the basis of the survey performed, the class is confirmed

Nơi kiểm tra:

Place

Ngày:

Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

GIA HẠN CẤP Ụ NỔI
EXTENSION OF THE CLASS

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, thời hạn của GCN cấp ụ nổi được kéo dài tới:

On the basis of the survey performed, the validity of the class is extended till:

Nơi kiểm tra:

Place

Ngày:

Date

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM (VR)

NHỮNG LƯU Ý VÀ HẠN CHẾ TẠM THỜI
TEMPORARY RESTRICTIONS AND REMARKS

Chú ý:

Notes:

Giấy chứng nhận này mất hiệu lực trong các trường hợp sau: Giấy chứng nhận hết hạn; Sau tai nạn mà ụ không báo kiểm tra; Khi vi phạm vùng hoạt động hoặc chất tải quá sức nâng của ụ; Khi tàu không tuân theo các yêu cầu hoặc hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.
The Certificate shall cease to be valid in the following cases: After the expiry of terms; After an accident, unless it is submitted to a survey; If violating the specified area of navigation or loading the dock exceeding the dock's lifting capacity; If requirements or instructions of Vietnam Register have not been complied with.

PHỤ LỤC C

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT Ụ NỔI



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT Ụ NỔI
SAFETY TECHNICAL CERTIFICATE FOR FLOATING DOCK

Tên ụ nổi:	Số phân cấp:
Name of Floating Dock	Class Number
Kiểu ụ:	Tổng dung tích:
Type of Floating Dock	Gross Tonnage
Vật liệu vỏ ụ:	Sức nâng của ụ: (tấn)
Material of Hull	Lifting Capacity (tonnes)
Năm và nơi đóng:	
Year and Place of Build	
Chủ ụ:	
Owner	

GIẤY CHỨNG NHẬN NÀY ĐƯỢC CẤP THEO NHỮNG VĂN BẢN DƯỚI ĐÂY
THIS CERTIFICATE IS ISSUED ACCORDING TO THE FOLLOWING DOCUMENTS

Giấy chứng nhận cấp ụ nổi số: _____
 Classification Certificate for Floating Dock No.
 Biên bản kiểm tra số: _____
 Survey Reports No.

Chứng nhận rằng ụ nổi nêu trong Giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật hoàn toàn đảm bảo hoạt động an toàn trong vùng nước sau đây:

On the confirmation that the Floating Dock mentioned in this Certificate has been in good technical condition for working in the following water region:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày _____
 This Certificate is valid until _____

Cấp tại _____ Ngày _____
 Issued at _____ Date _____

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
VIETNAM REGISTER

Chú ý: Giấy chứng nhận này mất hiệu lực trong các trường hợp sau: Giấy chứng nhận hết hạn; sau tai nạn mà ụ nổi không báo kiểm tra; khi vi phạm vùng hoạt động hoặc chất tải quá sức nâng của ụ không tuân theo các yêu cầu hoặc hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Note: The Certificate shall cease to be valid in the following cases: after the expiry of terms; after an accident, unless it is submitted to a survey; If violating the specified area of navigation or loading the dock exceeding the dock's lifting capacity; if requirements or instructions of Vietnam Register have not been complied with.